

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-ST
Ngày: 17-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui và
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga
2. Ông Đặng Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thúy Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2021/TLST-**DS** ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thanh X, sinh năm 1965; địa chỉ: số 437 tổ 18, ấp TP, xã TM, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Quốc Nam, Luật sư của chi nhánh công ty Luật TNHH MTV A-T thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; địa chỉ: 423 ấp Mỹ Hòa, thị trấn Mỹ Luông, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1976; địa chỉ: số 347 tổ 14, ấp MT, xã MA, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Trần Thanh V, sinh năm 1974; địa chỉ: số 347 tổ 14, ấp MT, xã MA, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bà Dương Thị Thanh X trình bày:

Vào ngày 20/12/2011 giữa bà X và bà Nguyễn Thị Bích T có tham gia góp hụi, nhiều dây hụi do bà T làm chủ hụi, bà X là hụi viên. Sau đó, bà T bẻ hụi không còn khả năng trả tiền cho bà X, nên giữa bà X và bà T thỏa thuận quy đổi tiền hụi thành vàng là 50 chỉ vàng 24 kara (9999).

Năm 2013 bà T và ông V vay tiền của bà X và thống nhất quy đổi thành 15 chỉ vàng 24 kara (9999), bà Nguyễn Thị Bích T có làm biên nhận nợ ngày 25/10/2015, bà T có nợ 65 chỉ vàng 24 kara (9999). Sau đó, bà T và ông Việt có trả dần cho bà X là 3 chỉ vàng 24 kara và 1.000.000 đồng, từ tháng 4/2020 cho đến nay thì ngưng trả nợ. Nay bà Dương Thị Thanh X yêu cầu bà T và ông Việt cùng có trách nhiệm liên đới trả số 62 chỉ vàng 24 kara (9999), đối với số tiền đã nhận 1.000.000 đồng, bà X đồng ý quy đổi thành vàng 3 phân vàng 24 kara (9999) khấu trừ vào số vàng 62 chỉ còn lại là 61 chỉ 7 phân vàng 24 kara (9999), không yêu cầu tính lãi phát sinh.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: vào năm 2011, giữa bà T và bà X có thỏa thuận góp hụi, bà T là chủ hụi, bà X là hụi viên. Do hụi bẻ nên bà T nợ hụi rất nhiều người, trong đó nợ bà X nhiều dây hụi, không nhớ rõ số tiền nhưng giữa bà T và bà X thống nhất số tiền hụi quy đổi thành 50 chỉ vàng 24 kara (9999). Ngoài ra, vào năm 2013 có vay tiền của bà X, quy đổi thành 15 chỉ vàng 24 kara (9999), tổng cộng bà T nợ bà X số vàng 65 chỉ và có trả dần 03 chỉ vàng và số tiền 1.000.000 đồng, bà T cũng thống nhất quy đổi số tiền 1.000.000 đồng thành 3 phân vàng 24 kara (9999). Hiện còn nợ là 61 chỉ 7 phân vàng 24 kara (9999). Vì hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên bà T và ông Việt xin hện trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng sau đó quy đổi thành vàng khấu trừ vào số vàng đã nợ nêu trên.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh V trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Dương Thị Thanh X đồng ý cho bà T và ông V trả dần mỗi tháng là 02 chỉ vàng 24 kara (9999) cho đến khi dứt nợ và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Bà Nguyễn Thị Bích T thống nhất số nợ, xin hện trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Ông Bùi Quốc Nam là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị Thanh X trình bày ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, đủ cơ sở xác định, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, các bên đã thống nhất số tiền nợ là 61,7 chỉ vàng 24 kara (9999), do bà T và ông Việt vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà X khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị: hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc bà T và ông Việt cùng có trách nhiệm liên đới trả bà Dương Thị Thanh X là 61,7 chỉ vàng 24 kara (9999).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh V có nơi cư trú: ấp MT, xã MA, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận giữa hai bên có xác lập hợp đồng góp hui vào năm 2011, nguyên đơn và bị đơn thống nhất quy đổi số tiền hui thành số vàng, đến năm 2013 bị đơn vay tiền của nguyên đơn và đến năm 2015 hai bên thống nhất quy đổi tiền vay thành vàng. Do đó, quan hệ tranh chấp là hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471; Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015;

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2011, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự; căn cứ vào giấy biên nhận nợ và sự xác nhận giữa nguyên đơn và bị đơn giữa hai bên có xác lập hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung

của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Xét, lời trình của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà X có cung cấp chứng cứ biên nhận nợ, bà T xác nhận biên nhận nợ là chữ ký và chữ viết là của bà T, giữa bà X và bà T có thỏa thuận hợp đồng góp hụi, do hụi bể nên bà T và ông Việt không có khả năng thanh toán cho bà X. Vì vậy, hai bên thống nhất tiền hụi quy đổi thành 50 chỉ vàng và số tiền vay quy đổi thành 15 chỉ vàng, tổng cộng 65 chỉ vàng 24 kara (9999), không tính lãi. Sau đó, bà T và ông Việt trả cho bà X mỗi tháng 1.000.000 đồng, đến khi tiền trả đủ 01 chỉ thì khấu trừ vào số vàng 65 chỉ vàng 24 kara(9999), bà T và ông Việt trả dần được 3,3 chỉ vàng 24 kara(9999) còn nợ là 61,7 chỉ vàng 24 kara(9999).

Ông Việt cho rằng không trực tiếp giao dịch góp hụi cũng như vay tiền của bà X, mà do bà T trực tiếp giao dịch nhưng ông Việt thống nhất cùng vợ là bà T trả nợ cho bà X, nhưng xin hên trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và quy đổi thành vàng để trả cho bà X. Xét thấy, ông Việt không trực tiếp giao dịch với bà X, nhưng sau khi bể hụi giữa bà X và bà T thống nhất quy đổi thành vàng, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay tiền phục vụ cho lợi ích chung. Ngoài ra, ông Việt thống nhất cùng bà T trả nợ cho bà X. Như vậy, bà T và ông Việt còn nợ bà X số vàng là 61,7 chỉ vàng 24 kara (9999). Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để buộc bà T và ông Việt cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà X số vàng là 61,7 chỉ vàng 24 kara(9999) là phù hợp.

Thời gian, phương thức thanh toán sẽ được giải quyết ở giai đoạn thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Giá vàng ngày 17/6/2021 quy đổi thành tiền là 5.240.000 x 61,7 chỉ = 323.308.000 đồng x 5% = 16.165.000 đồng. Do đó, bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 16.165.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 471; 288; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Thanh X.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Thanh V cùng có trách nhiệm liên đới trả bà Dương Thị Thanh X là 61,7 chỉ vàng 24 kara(9999).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 16.165.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng được sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu